

## ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI: NGHIÊN CỨU TỔNG QUAN

Trần Thu Trang<sup>1</sup>

*Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam*

Ngày nhận: 23/08/2020; Ngày hoàn thành biên tập: 18/01/2021; Ngày duyệt đăng: 28/01/2021

**Tóm tắt:** Bài viết hệ thống hóa các nghiên cứu về đổi mới sáng tạo (ĐMST) và ĐMST của doanh nghiệp xã hội (DNXH) trên thế giới và ở Việt Nam. Dựa trên dữ liệu từ 114 công trình nghiên cứu, tác giả phân tích các nghiên cứu về ĐMST và ĐMST của DNXH, từ đó nhận diện các chủ đề và phương pháp nghiên cứu chủ yếu. Kết quả nghiên cứu cho thấy các công trình về ĐMST trên thế giới tập trung vào các chủ đề như khái niệm, bản chất và loại hình ĐMST; quá trình ĐMST; và kết quả ĐMST. Trong khi đó, các chủ đề nghiên cứu ở Việt Nam tập trung vào năng lực đổi mới của doanh nghiệp (DN), các nhân tố tác động đến ĐMST, ảnh hưởng của ĐMST tới kết quả kinh doanh và kinh nghiệm quốc tế về ĐMST. Tuy nhiên, hiện nay có rất ít nghiên cứu về ĐMST của DNXH trên thế giới và chưa có nghiên cứu về ĐMST của DNXH ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả nhấn mạnh những hàm ý quan trọng và hướng nghiên cứu tiếp theo về chủ đề này.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp xã hội, Đổi mới sáng tạo, Nghiên cứu tổng quan

### INNOVATION AND SOCIAL ENTERPRISES: A LITERATURE REVIEW

**Abstract:** This paper reviews previous studies on innovation and innovation of social enterprises. Based on data from 114 publications, the author analyzes the previous scholarly work on innovation and social enterprises' innovation, thus, identifying main research topics and research methods. The study results show that research about innovation focuses on certain topics such as definition, nature and types of innovation; innovation process; and innovation outcomes. The topics of research on innovation in Vietnam include innovation capacity of enterprises, determinants of innovation, influence of innovation on business performance, and international experiences in innovation. The study discovers that there is a small number of studies on social enterprises' innovation in the world and no research on social enterprises' innovation in Vietnam. Therefore, the author provides some important implications and future research avenues on the topic.

**Keywords:** Social enterprise, Innovation, Literature review

<sup>1</sup> Tác giả liên hệ, Email: [thutrang@ftu.edu.vn](mailto:thutrang@ftu.edu.vn)

## 1. Đặt vấn đề

Hiện nay, trong điều kiện môi trường kinh doanh luôn biến đổi, ĐMST là nhân tố quan trọng trong việc tạo ra lợi thế cạnh tranh và quyết định sự tồn tại và phát triển của DN (Nhà & Quân, 2013; Nguyệt & Trang, 2015; Hương & cộng sự, 2018). Với tầm quan trọng như vậy, ĐMST là chủ đề thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Số lượng nghiên cứu về ĐMST trên thế giới không ngừng tăng lên cùng với nhiều định nghĩa về ĐMST, bối cảnh nghiên cứu, trường phái lý thuyết cũng như phương pháp nghiên cứu được sử dụng (Dodgson & cộng sự, 2014; Kotsemir & cộng sự, 2013 và OECD, 2018).

Tuy nhiên, ở Việt Nam các nghiên cứu về ĐMST vẫn còn hạn chế (Nhà & Quân, 2013). Hầu hết các công trình là nghiên cứu thực nghiệm về năng lực ĐMST của DN, các nhân tố tác động đến ĐMST, ảnh hưởng của ĐMST tới kết quả kinh doanh và kinh nghiệm ĐMST của các DN trên thế giới. Mặc dù những nghiên cứu trước góp phần làm rõ năng lực ĐMST của DN, mối quan hệ giữa các loại hình ĐMST với kết quả kinh doanh của DN và ĐMST của DN trong một số ngành, các nghiên cứu này lại chưa tìm hiểu hoạt động ĐMST của DN. Hơn nữa, hiện nay, các nghiên cứu về ĐMST chưa thể hiện tính tập trung. Tại Việt Nam chưa có công trình nào hệ thống hóa những nghiên cứu về chủ đề ĐMST nói chung và ĐMST của DN nói riêng.

Bài viết này phân tích tổng quan các nghiên cứu về ĐMST và ĐMST của DN trên thế giới và tại Việt Nam. Từ đó, tác giả nhận diện các chủ đề và phương pháp nghiên cứu chủ yếu và đưa ra hàm ý cho nghiên cứu trong tương lai.

Thông qua tổng kết 114 nghiên cứu trong giai đoạn từ 1976 đến 2019, tác giả nhận diện được 3 hướng nghiên cứu về ĐMST trên thế giới và 4 hướng nghiên cứu ở Việt Nam. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cho thấy có rất ít nghiên cứu về ĐMST của DN trên thế giới và chưa có nghiên cứu về ĐMST của DN ở Việt Nam. Các phát hiện này có hàm ý quan trọng cho nghiên cứu về ĐMST và ĐMST của DN.

Bài viết được kết cấu thành 4 phần. Phần đầu trình bày các khái niệm về ĐMST và DN. Tiếp đó, tác giả làm rõ phương pháp tổng quan. Sau đó, nội dung bài viết phân tích các kết quả nghiên cứu. Phần cuối cùng là các hàm ý và hướng nghiên cứu tiếp theo.

## 2. Khái niệm về đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp xã hội

### 2.1 Khái niệm về đổi mới sáng tạo

Trên thế giới, thuật ngữ “đổi mới sáng tạo” (innovation) xuất hiện vào đầu thế kỷ 20 và đã được nhà kinh tế học người Áo Joseph A. Schumpeter tập trung nghiên cứu. Schumpeter đề xuất 5 loại ĐMST: (1) Đưa ra sản phẩm mới; (2) Đưa ra phương pháp sản xuất mới; (3) Phát triển thị trường mới; (4) Phát triển nguồn cung mới;

và (5) Tạo ra cấu trúc thị trường mới trong một ngành. Tác giả này tiếp cận ĐMST theo nghĩa rộng: đó có thể là sản phẩm, quá trình và các thay đổi tổ chức không nhất thiết phải bắt nguồn từ các phát minh khoa học mới mà có thể kết hợp những công nghệ hiện có hoặc ứng dụng các công nghệ này trong một bối cảnh mới. Khái niệm về ĐMST của Schumpeter trở thành cơ sở cho các nghiên cứu và khái niệm sau này về ĐMST (Žižlavský, 2013).

Chủ đề về ĐMST đã thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu thuộc các lĩnh vực như quản trị, kinh tế học, xã hội học và tâm lý xã hội (Salter & Alexy, 2014), do đó, hiện nay tồn tại nhiều định nghĩa khác nhau. Ví dụ, trong lĩnh vực quản trị, Acs & Audretch (1988) cho rằng ĐMST là một quá trình bắt đầu với sáng chế, tiếp theo là đưa ra sản phẩm mới, quy trình mới hoặc dịch vụ mới ra thị trường. Lundvall (1992) định nghĩa ĐMST là một quá trình liên tục từ bỏ, tìm kiếm và khám phá để tạo ra sản phẩm, kỹ thuật, hình thức tổ chức và thị trường mới. Damanpour & Wischnevsky (2006) lại nhận định ĐMST là sự phát triển và áp dụng ý tưởng mới hoặc hành vi mới trong tổ chức. Ý tưởng mới có thể là một sản phẩm, dịch vụ hoặc phương pháp sản xuất mới (đổi mới kỹ thuật) hoặc là một thị trường, cơ cấu tổ chức hoặc hệ thống quản trị mới (đổi mới quản trị).

Nói tóm lại, ĐMST thường được tiếp cận theo 2 cách: (i) ĐMST là một quá trình hoặc (ii) ĐMST là kết quả thể hiện bằng sản phẩm, dịch vụ, quy trình, phương pháp tổ chức và marketing mới.

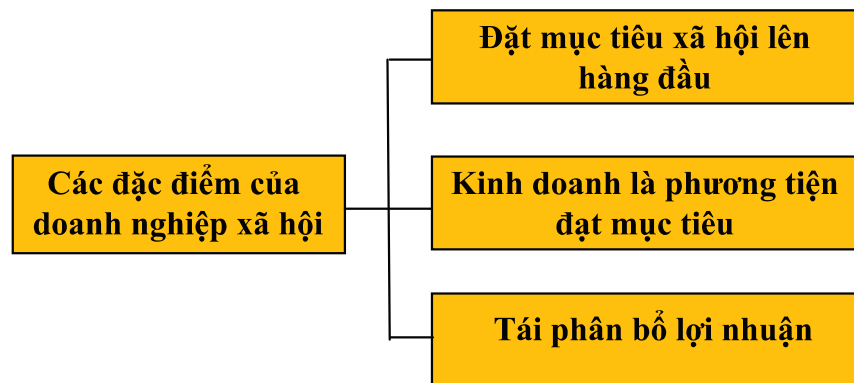
## **2.2 Khái niệm về doanh nghiệp xã hội**

Trên thế giới, DNXH được hiểu là “các tổ chức tìm kiếm giải pháp kinh doanh cho các vấn đề xã hội” (Thompson & Doherty, 2006). Còn Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) cho rằng DNXH có thể hoạt động dưới nhiều hình thức pháp lý khác nhau, thường cung cấp các dịch vụ xã hội và việc làm cho các nhóm yếu thế ở cả thành thị và nông thôn. Ngoài ra, DNXH còn có thể cung cấp các dịch vụ công và hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục, văn hóa và môi trường. Trong Chiến lược phát triển DNXH năm 2002 của Chính phủ Anh, DNXH lại được định nghĩa là “một mô hình kinh doanh được thành lập nhằm thực hiện các mục tiêu xã hội và sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư cho mục tiêu đó hoặc cho cộng đồng, thay vì tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông hoặc chủ sở hữu” (DTI, 2002).

Ở Việt Nam, cũng tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau về DNXH. Theo Trung tâm sáng kiến phục vụ cộng đồng (CSIP), DNXH là cách tiếp cận hay “việc áp dụng các phương thức sáng tạo, theo định hướng thị trường để giải quyết những nguyên nhân gốc rễ của vấn đề xã hội và môi trường, từ đó tạo ra thay đổi mang tính hệ thống và cung cấp giải pháp bền vững” (CSIP, 2016). DNXH có thể tồn tại dưới nhiều hình thức pháp lý khác nhau như tổ chức phi chính phủ, tổ chức từ thiện, câu lạc bộ, hợp tác xã và DN có mục tiêu xã hội. Còn theo Luật Doanh nghiệp 2014, DNXH là DN có mục tiêu xã hội và môi trường. Cụ thể, Điều 10 Luật Doanh nghiệp 2014 quy

định DNXH phải đáp ứng 3 nhóm tiêu chí: (1) Doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp; (2) Mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng và (3) Sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hàng năm của DN để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội và môi trường như đã đăng ký.

Mặc dù tại Việt Nam và trên thế giới tồn tại nhiều định nghĩa khác nhau về DNXH, nhưng nhìn chung DNXH có ba đặc điểm nổi bật: (i) Đặt mục tiêu, sứ mệnh xã hội lên hàng đầu ngay từ khi thành lập; (ii) Sử dụng hoạt động kinh doanh như một phương tiện để đạt mục tiêu xã hội và (iii) Tái phân bổ phần lớn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trở lại cho tổ chức, cộng đồng và mục tiêu xã hội.



**Hình 1. Các đặc điểm của doanh nghiệp xã hội**

*Nguồn: Cung & cộng sự (2016)*

Ngoài ba đặc điểm nêu trên, ĐMST cũng được coi là đặc điểm cốt lõi của DNXH (Nicholls & Cho, 2006). Sự sáng tạo của DNXH thể hiện qua cách thức DNXH tổ chức các chương trình hoạt động hay kết hợp và phân bổ nguồn lực. Ví dụ, về tài chính, DNXH thường tìm kiếm nguồn vốn một cách sáng tạo để đảm bảo tiếp cận được nguồn lực và tạo ra giá trị xã hội. Tinh thần sẵn sàng đổi mới như là một phần của DNXH. Đổi mới ở đây là một quá trình liên tục khám phá, học hỏi và cải tiến (Dees, 2001). Theo Social Enterprise UK (2015), khoảng 2/3 trong số các DNXH ở Anh chủ động thực hiện một loại hình ĐMST nào đó, cụ thể như đưa ra sản phẩm hoặc dịch vụ mới (hoặc cải tiến).

Mặc dù ĐMST là đặc trưng của DNXH nhưng do đặc tính lai ghép (đồng thời theo đuổi mục tiêu kinh tế và xã hội), DNXH gặp thách thức trong việc thực hiện ĐMST. Nguyên nhân là do DNXH phải hoạt động trong điều kiện thiếu nguồn lực hoặc nhân sự không ổn định do phụ thuộc vào đội ngũ tình nguyện viên và các kênh tuyển dụng phi truyền thống (Moore & cộng sự, 2012). Việc huy động vốn từ các nguồn khác nhau cũng đòi hỏi DNXH phải thường xuyên đánh giá việc kết hợp nguồn lực cho ĐMST. Như vậy, ĐMST vừa là đặc trưng nhưng cũng là yêu cầu tất yếu để DNXH có thể tồn tại và phát triển.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu tổng quan này, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu tại bàn. “Đổi mới sáng tạo” và “doanh nghiệp xã hội” là các từ khóa được tác giả sử dụng để tìm kiếm trong các trường tìm kiếm như tên bài, tóm tắt và từ khóa của các công trình nghiên cứu bằng ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Đối với các bài nghiên cứu trong nước, tác giả tìm kiếm trên Google Scholar và cơ sở dữ liệu các tạp chí khoa học Việt Nam tại địa chỉ <http://www.vjol.info.vn/>. Tổng cộng có 16 công trình nghiên cứu về ĐMST (gồm 14 bài báo và 2 đề tài nghiên cứu) được xuất bản trong giai đoạn 2013-2019, trong đó hơn 50% các công trình nghiên cứu là nghiên cứu định lượng. Ngoài ra, tác giả tập hợp được 69 công trình nghiên cứu về chủ đề DNXH tại Việt Nam, trong đó có 16 bài báo, 34 bài viết hội thảo, 13 báo cáo nghiên cứu, 3 cuốn sách và chương sách và 3 luận văn thạc sỹ. Phần lớn các công trình này được xuất bản từ năm 2015 trở lại đây (tức là sau khi DNXH được chính thức ghi nhận trong Luật Doanh nghiệp năm 2014). Đáng chú ý là không có công trình nào đề cập đến ĐMST của DNXH.

Tiếp đó, tác giả thực hiện tìm kiếm các bài nghiên cứu ngoài nước về ĐMST và ĐMST của DNXH trên Google Scholar và các cơ sở dữ liệu như Science Direct, JSTOR, Emerald Insight,... tại trang thư viện điện tử của trường HEC Montréal. Do ĐMST là chủ đề rất rộng và đã có rất nhiều công trình nghiên cứu, trong khi bài viết của tác giả tập trung vào ĐMST của DNXH nên tác giả thu hẹp phạm vi tìm kiếm vào các nghiên cứu tổng quan về ĐMST từ trước đến nay. Kết quả tìm kiếm gồm 17 công trình về ĐMST nói chung, trong đó có 7 bài báo, 2 bài viết hội thảo và 8 chương sách trong giai đoạn 1976-2019. Bên cạnh đó, do trên thế giới có khá nhiều nghiên cứu nhằm định nghĩa DNXH, tìm hiểu đặc điểm và các vấn đề vận hành của DNXH nên tác giả tập trung tìm kiếm các nghiên cứu về ĐMST của DNXH. Tổng cộng có 12 nghiên cứu dưới dạng bài báo và báo cáo về ĐMST của DNXH trên thế giới. Kết cấu dữ liệu của nghiên cứu tổng quan được trình bày trong bảng dưới đây.

**Bảng 1. Kết cấu dữ liệu của nghiên cứu tổng quan**

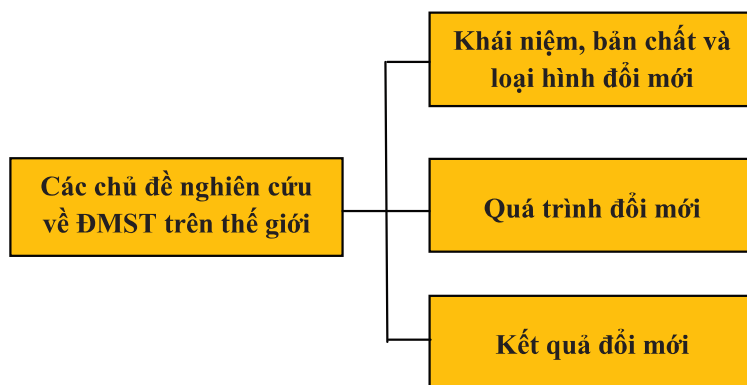
Chủ đề nghiên cứu	Loại hình xuất bản	Ngôn ngữ	Số lượng
Đổi mới sáng tạo	Bài báo, đề tài nghiên cứu	Tiếng Việt	16
Đổi mới sáng tạo	Bài báo, bài viết hội thảo, sách và chương sách	Tiếng Anh	17
Doanh nghiệp xã hội	Bài báo, bài viết hội thảo, báo cáo, sách và chương sách, luận văn thạc sỹ	Tiếng Việt	69
Đổi mới sáng tạo của DNXH	Bài báo, báo cáo	Tiếng Anh	12

*Nguồn : Tác giả tổng hợp*

## 4. Kết quả và bàn luận

### 4.1 Các chủ đề và phương pháp nghiên cứu về đổi mới sáng tạo

Trên thế giới, đã có khá nhiều nghiên cứu về ĐMST. Các nghiên cứu này tập trung theo ba hướng: (i) Làm rõ khái niệm, bản chất và loại hình ĐMST; (ii) Quá trình ĐMST; và (iii) Kết quả ĐMST.



Hình 2. Các chủ đề nghiên cứu về đổi mới sáng tạo trên thế giới

Nguồn: Tác giả tổng hợp

#### (i) Các nghiên cứu về khái niệm, bản chất và phân loại đổi mới sáng tạo

Theo Kotsemir & cộng sự (2013), có nhiều định nghĩa khác nhau về ĐMST, các loại hình ĐMST cũng như cách phân loại ĐMST. Các công trình nhằm làm rõ khái niệm ĐMST chủ yếu được thực hiện từ thập niên 1960 đến 1990. Những năm 2000, ĐMST trở thành thuật ngữ thông dụng và khái niệm này được mở rộng nhưng đến nay vẫn chưa có một cách hiểu thống nhất. ĐMST có thể được hiểu là quá trình hoặc kết quả (Dodgson & cộng sự, 2014). Tuy nhiên, cách hiểu này đang thay đổi theo hướng coi ĐMST là “công cụ tạo sự thay đổi” hay chính là “sự thay đổi”. Các xu hướng phát triển và hoàn thiện khái niệm và phân loại ĐMST cần theo hướng đơn giản hóa, dễ hiểu và dễ áp dụng vào nghiên cứu cũng như thực tiễn (Kotsemir & cộng sự, 2013).

#### (ii) Các nghiên cứu về quá trình đổi mới sáng tạo

Các nghiên cứu này tập trung vào ĐMST là một quá trình hay một chuỗi các hoạt động, các bước và các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình này (Meissner & Kotsemir, 2016). Một trong những nghiên cứu được trích dẫn nhiều là công trình của Rothwell (1994), trong đó tác giả trình bày 5 mô hình quá trình ĐMST. Đó là mô hình công nghệ đẩy, mô hình thị trường kéo, mô hình tương tác, mô hình quy trình kinh doanh tích hợp và mô hình kết nối mạng lưới và tích hợp hệ thống. Žižlavský (2013) đề xuất mô hình quá trình ĐMST gồm 6 giai đoạn: (1) Nghiên cứu và giám sát môi trường bên trong và bên ngoài DN, (2) Nghiên cứu và phát triển, (3) Tiền sản xuất và sản xuất, (4) Thực thi hay thương mại hóa, (5) Tái chế sản phẩm sau sử dụng và (6) Học hỏi. Utterback & cộng sự (1976) nghiên cứu

mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng bên ngoài và quá trình ĐMST của DN. Kết quả nghiên cứu cho thấy mối quan hệ giữa sản phẩm và quá trình ĐMST góp phần định hình và cản trở khả năng DN đổi mới nhằm đáp lại sự thay đổi môi trường kinh doanh. Meissner & Kotsemir (2016) tổng kết các nghiên cứu về quá trình ĐMST. Các tác giả nhận diện 2 cách tiếp cận trong các nghiên cứu trước. Đó là cách tiếp cận quản trị ĐMST (tập trung vào chiến lược quản trị ĐMST công ty trong các điều kiện kinh tế xã hội khác nhau) và cách tiếp cận khái niệm (tập trung vào các mô hình quá trình ĐMST). Các tác giả phân tích ưu và nhược điểm cũng như tiềm năng và hạn chế của 2 cách tiếp cận, từ đó đề xuất phát triển mô hình quá trình ĐMST theo hướng ĐMST chủ động.

Một số nghiên cứu khác tập trung tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình ĐMST. Damanpour (1991) phân tích mối quan hệ giữa ĐMST của tổ chức với 13 nhân tố quyết định tới ĐMST. Kết quả nghiên cứu cho thấy quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng với ĐMST không thay đổi. Điều này trái ngược với nhận định trước đây về mối quan hệ này. Nguyên nhân là loại tổ chức chấp nhận các ĐMST và phạm vi của các ĐMST đóng vai trò là biến trung gian trong quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng và ĐMST. Anderson & cộng sự (2004) tổng hợp các nhân tố cá nhân, nhóm và tổ chức có ảnh hưởng tới ĐMST. Các nhân tố cá nhân bao gồm tính cách, động cơ, khả năng nhận thức, đặc điểm công việc và trạng thái cảm xúc. Ở cấp độ nhóm có các nhân tố như cơ cấu nhóm, đặc điểm của các thành viên trong nhóm, các quá trình làm việc nhóm, phong cách lãnh đạo và bầu không khí của nhóm. Các nhân tố ảnh hưởng ở cấp độ tổ chức là cơ cấu, chiến lược, quy mô, nguồn lực và văn hóa tổ chức. Các tác giả nhận diện 58 khía cạnh quan trọng biểu thị đặc điểm của các nhân tố này. Trong một nghiên cứu tổng quan khác, Crossan & Apaydin (2010) nhận diện 80 yếu tố quyết định tới ĐMST. Các yếu tố này được chia thành 3 nhóm: (1) Kỹ năng lãnh đạo đổi mới của giám đốc điều hành, hội đồng quản trị, và đội ngũ quản lý cấp cao; (2) Các đòn bẩy quản lý bao gồm sứ mệnh, mục tiêu, chiến lược, phân bổ nguồn lực, cơ cấu tổ chức và các hệ thống của tổ chức, văn hóa tổ chức, học hỏi tổ chức và quản trị tri thức và (3) Các quy trình kinh doanh như quá trình khởi xướng và ra quyết định, quá trình phát triển và thực thi, quản lý danh mục ĐMST, quản lý dự án và thương mại hóa.

Một số nghiên cứu chỉ ra rằng các yếu tố môi trường bên ngoài như địa lý, lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội, luật pháp, công nghệ và cạnh tranh có ảnh hưởng tới ĐMST (Malerba, 2006; Von Tunzelmann & Acha, 2006; Léger & Swaminathan, 2007; Salter & Alexy, 2014; Dodgson & cộng sự, 2014). Theo Salter & Alexy (2014), ĐMST phụ thuộc vào địa điểm (nghĩa là sự khác biệt giữa các quốc gia, khu vực). Đầu tư cho ĐMST và kết quả đầu ra của ĐMST thường tập trung ở các trung tâm ĐMST của thế giới. Ví dụ, trong lĩnh vực công nghệ là ở thung lũng Silicon và Boston (Hoa Kỳ) còn trong lĩnh vực sản xuất da giày và rượu là ở Chilê và Ý. Bên cạnh đó, tốc độ ĐMST của DN trong các ngành khác nhau cũng khác nhau. Sự khác biệt về ngành còn ảnh hưởng tới hoạt động quản trị ĐMST của DN (Dodgson & cộng sự, 2014). Nghiên cứu

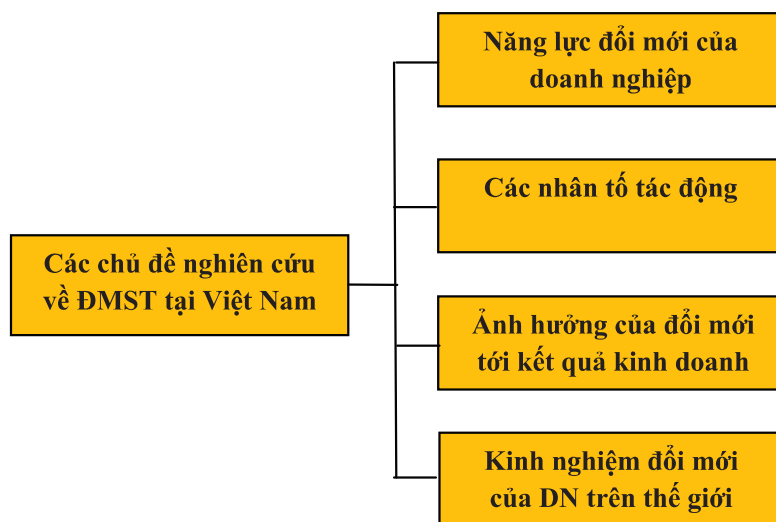
của Léger & Swaminathan (2007) cho thấy quá trình ĐMST ở DN chịu ảnh hưởng bởi những yếu tố của môi trường quốc gia (thể chế luật pháp, quyền sở hữu trí tuệ, cơ cấu thị trường, quy mô DN và các đặc điểm cụ thể của quốc gia) cũng như các lực lượng bên ngoài (đầu tư trực tiếp nước ngoài và chuyển giao công nghệ). Các tác giả xây dựng khung lý thuyết về ĐMST áp dụng cho các nước đang phát triển.

*(iii) Các nghiên cứu về kết quả đổi mới sáng tạo*

Kết quả ĐMST là việc áp dụng thành công các ý tưởng mới, là kết quả của các quá trình một tổ chức kết hợp nguồn lực khác nhau (con người, tri thức, tài chính, công nghệ, cơ sở vật chất và mạng lưới) nhằm đạt mục tiêu ĐMST. Mục tiêu ĐMST có thể là sự tăng trưởng lợi nhuận bền vững của tổ chức, đảm bảo việc làm cho nhân viên, sản phẩm và dịch vụ mới với chất lượng tốt hơn nhưng chi phí thấp hơn cho khách hàng và các phương thức sản xuất mới (Dodgson & cộng sự, 2014).

Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng tìm hiểu nguồn gốc và kết quả kinh tế của ĐMST. Một số nhà nghiên cứu cho rằng ĐMST góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (Verspagen, 2006), năng lực cạnh tranh quốc tế (Cantwell, 2006), số lượng cũng như chất lượng việc làm ở cấp độ công ty, ngành và kinh tế vĩ mô (Pianta, 2006).

Tại Việt Nam, các nhà nghiên cứu đã tập trung tìm hiểu ĐMST theo 4 chủ đề sau: (i) Năng lực ĐMST của DN, (ii) Các nhân tố tác động đến ĐMST, (iii) Ảnh hưởng của ĐMST tới kết quả kinh doanh của DN và (iv) Kinh nghiệm ĐMST của các DN trên thế giới.



**Hình 3. Các chủ đề nghiên cứu về đổi mới sáng tạo tại Việt Nam**

*Nguồn: Tác giả tổng hợp*

*(iv) Các nghiên cứu về năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp*

Hầu hết các nghiên cứu đề cập đến năng lực ĐMST của DN trong một ngành hoặc lĩnh vực cụ thể. Ví dụ, Việt (2016) nghiên cứu các nhân tố tác động đến năng lực



ĐMST của các DN da giày Hà Nội. Một số nghiên cứu khác tập trung vào năng lực ĐMST của DN trong ngành chế biến thực phẩm (Linh, 2016; Linh, 2018). Ít nghiên cứu tìm hiểu năng lực ĐMST của DN trong nhiều lĩnh vực. Nhạ & Quân (2013) là một trong số ít những nghiên cứu về ĐMST của DN trong các lĩnh vực khác nhau. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu tiếp cận theo hướng năng lực của con người. Trang & Anh (2019) cho rằng năng lực ĐMST của DN là năng lực công nghệ của DN. Các tác giả đề xuất hệ tiêu chí đánh giá năng lực công nghệ của DN bao gồm: (1) Năng lực tìm kiếm công nghệ, (2) Năng lực tiếp nhận công nghệ, (3) Năng lực làm chủ công nghệ, (4) Năng lực cải tiến và (5) Năng lực đổi mới về nguyên lý công nghệ. Cường (2014) đánh giá thực trạng năng lực ĐMST của chủ DN nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực ĐMST của DN. Về mặt phương pháp, phần lớn nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra khảo sát và chưa có nghiên cứu nào kết hợp sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng với phương pháp nghiên cứu định tính.

*(v) Các nghiên cứu về các nhân tố tác động đến đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp*

Duy (2015) tổng kết cơ sở lý thuyết về ĐMST và các nhân tố tác động. Tác giả trình bày 4 nhóm nhân tố bên trong DN tác động đến ĐMST là (1) Các thuộc tính chung của công ty như quy mô DN, thời gian hoạt động và kết quả kinh doanh, (2) Các nhân tố thuộc về chiến lược cấp công ty và kiểm soát các hoạt động, (3) Các nhân tố thuộc về tổ chức, văn hóa và lãnh đạo và (4) Các nhân tố thuộc về nguồn lực và chiến lược chức năng. Tác giả liệt kê 6 nhóm nhân tố bên ngoài DN có ảnh hưởng đến ĐMST bao gồm (1) Lĩnh vực hoạt động, (2) Khu vực địa lý, (3) Hợp tác và tương tác mạng lưới, (4) Sự hấp thu tri thức và công nghệ, (5) Chính sách chính phủ và (6) Môi trường văn hóa, trong đó đặc biệt nhấn mạnh nhóm nhân tố hợp tác và tương tác mạng lưới và chính sách của chính phủ. Hưng & Tuấn (2015) phân tích tác động của vốn tri thức đến tăng cường năng lực ĐMST và nâng cao năng suất của tổ chức. Các tác giả đưa ra khung phân tích thể hiện tác động của các thành phần khác nhau của vốn tri thức đến năng lực ĐMST sản phẩm và quy trình dẫn đến tăng năng suất của tổ chức. Một số công trình khác tiến hành nghiên cứu thực nghiệm mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng với năng lực ĐMST. Duy & Tuấn (2013) kiểm định mối quan hệ giữa quản trị tri thức chiến lược, ĐMST và kết quả kinh doanh của DN Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy quản trị tri thức chiến lược có tác động mạnh đến việc nâng cao năng lực ĐMST và kết quả kinh doanh của DN. Nghiên cứu cũng cho thấy đổi mới sáng tạo đóng vai trò truyền tải trung gian quan trọng giữa quản trị tri thức chiến lược và kết quả kinh doanh của DN. Một số công trình khác được thực hiện với DN trong lĩnh vực cụ thể. Ví dụ, Việt (2015) phân tích mối quan hệ của các nhân tố nhân sự, quan hệ liên kết, các phương tiện hỗ trợ và khung thể chế với 4 loại hình ĐMST của DN cơ điện tử Hà Nội (đổi mới sản phẩm, quy trình, quản lý và marketing). Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố trên tác động lớn nhất đến ĐMST sản phẩm và quy trình, tiếp đến là ĐMST quản lý và cuối cùng

là ĐMST marketing. Tương tự, trong một nghiên cứu khác thực hiện năm 2016, tác giả tìm hiểu ảnh hưởng của các nhân tố trên đến ĐMST của DN da giày Hà Nội (Việt, 2016). Một số nghiên cứu khác được thực hiện với DN sản xuất thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ (Tuân, 2014), chế biến thực phẩm (Linh, 2016) và công nghiệp công nghệ cao (Uyên, 2019).

*(vi) Các nghiên cứu đánh giá tác động của đổi mới sáng tạo đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

Các nghiên cứu thuộc nhóm này có sự khác biệt về nội dung cũng như phương pháp nghiên cứu. Tuân (2013) xem xét tác động của các loại hình ĐMST về sản phẩm, quy trình, marketing và tổ chức tới kết quả kinh doanh của một DN cụ thể (nghiên cứu tình huống) trong khi các tác giả khác tiến hành khảo sát DN trong nước (Linh, 2018) hoặc DN nước ngoài tại Việt Nam (Hà, 2018). Hầu hết các nghiên cứu cho thấy ĐMST có tác động tích cực đến kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, tác động này có thể đạt được thông qua một số biến trung gian như kết quả hoạt động ĐMST (Tuân, 2013), đổi mới sản phẩm (Linh, 2018) và kết quả phi tài chính (Hà, 2018).

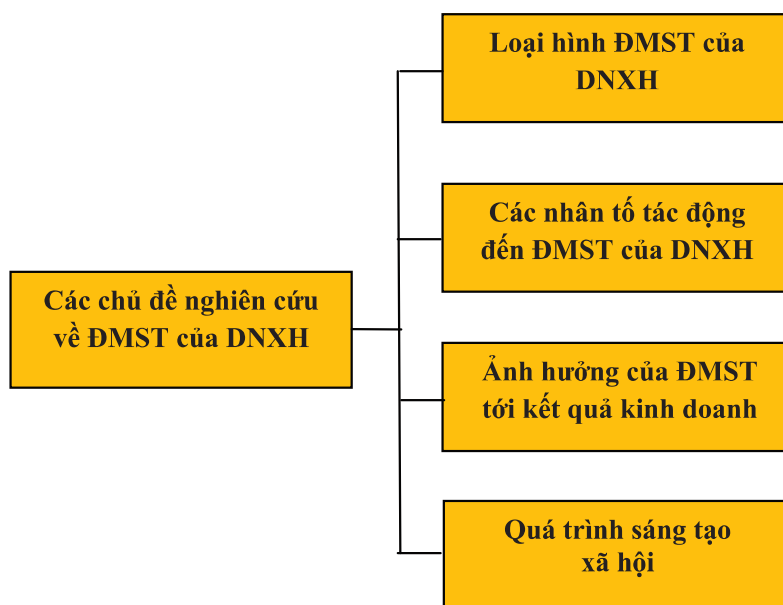
*(vii) Các nghiên cứu về đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp trên thế giới*

Ngọc & Lâm (2018) nghiên cứu ĐMST và chuyển giao công nghệ tại các công ty đa quốc gia. Nguyệt & Trang (2015) tìm hiểu ĐMST trong DN tại một số quốc gia trên thế giới. Các tác giả phân tích nguyên nhân thành công và thất bại khi đầu tư vào R&D và ĐMST của các tập đoàn lớn như Samsung, Posco, P&G, Kodak và Lego. Linh & Hiên (2017) tổng kết kinh nghiệm quốc tế nhằm thúc đẩy năng lực ĐMST trong DN ở cấp độ quốc gia và cấp độ DN. Hương & cộng sự (2018) nghiên cứu kinh nghiệm kết hợp triển khai quản trị tinh gọn và thúc đẩy ĐMST của một số DN Hoa Kỳ và Bắc Âu. Mặc dù các nghiên cứu trên chỉ ra một số bài học kinh nghiệm về thúc đẩy ĐMST cho DN Việt Nam, hạn chế của các công trình này là chỉ tập trung vào các công ty, tập đoàn lớn trên thế giới với nhiều nguồn lực cho ĐMST. Chưa có công trình nào tìm hiểu kinh nghiệm ĐMST của DN vừa và nhỏ, trong đó có DNXH. Vì vậy, khả năng áp dụng các bài học kinh nghiệm cho DN Việt Nam sẽ rất hạn chế. Hơn nữa, các nghiên cứu này cũng chưa tính đến ảnh hưởng của môi trường quốc gia, nghĩa là hoạt động ĐMST của DN Việt Nam sẽ khác với hoạt động ĐMST của DN Hàn Quốc, Hoa Kỳ và Bắc Âu. Do là quốc gia đang phát triển nên Việt Nam phải đối mặt với các thách thức như môi trường vĩ mô bất ổn, cơ sở hạ tầng giao thông chậm phát triển, hệ thống thể chế và nhận thức xã hội về ĐMST chưa đầy đủ, các rào cản đối với khởi sự kinh doanh, trình độ học vấn thấp, hạn chế về quản trị công và minh bạch tài chính, chi phí giao dịch cao và năng lực công nghệ thấp. Những thách thức này sẽ định hình môi trường ĐMST theo hướng nhất định (Anh, 2014).

## 4.2 Các chủ đề và phương pháp nghiên cứu về đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp xã hội

Trong những năm gần đây, DNXH trở thành chủ đề thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Ở Việt Nam, hiện có khoảng 69 công trình nghiên cứu về DNXH. Các công trình nghiên cứu này tập trung vào 5 vấn đề: các quy định pháp luật về DNXH tại Việt Nam (Dung, 2017; Giang, 2018; Hiền, 2015; Thủy, 2017; Yên & Ánh, 2017; Yên, 2016); phân tích khái niệm và thực trạng DNXH ở Việt Nam (British, 2019; Cung & cộng sự, 2012; Cung & cộng sự, 2016; Hoàng & cộng sự, 2017); đánh giá sự phát triển và tác động xã hội của DNXH trong lĩnh vực cụ thể (Thảo, 2016; Công & Vinh, 2018; Giang, 2019 và Giang, 2018); hệ sinh thái cho DNXH (Hạnh & Giang, 2012; Khôi, 2014 và Thắng, 2015); kinh nghiệm quốc tế về DNXH (Thắng & cộng sự, 2013; Thắng & Oanh, 2015; Thắng, 2015; Thủy, 2015 và Trúc, 2011). Trong quá trình tìm hiểu, tác giả nhận thấy ĐMST của DNXH chưa được nghiên cứu ở Việt Nam. Nghiên cứu gần nhất với chủ đề này là “Điển hình doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam” và “Thành công theo cách khác: 27 câu chuyện khởi nghiệp vì cộng đồng từ Việt Nam và trên thế giới” (Cung & cộng sự, 2016 và Hoàng & cộng sự, 2017). Tuy nhiên, 2 cuốn sách này tập trung giới thiệu điển hình DNXH ở Việt Nam và trên thế giới, quá trình hình thành phát triển cũng như mô hình hoạt động của các DNXH mà chưa nghiên cứu sâu cách thức các DNXH tiến hành ĐMST.

Trong khi đó, trên thế giới, đã có một số nghiên cứu về ĐMST của DNXH. Các nghiên cứu này tập trung tìm hiểu: (i) Các loại hình ĐMST của DNXH, (ii) Các nhân tố ảnh hưởng đến ĐMST của DNXH, (iii) Mối quan hệ giữa ĐMST và kết quả kinh doanh của DNXH và (iv) Quá trình sáng tạo xã hội của DNXH.



Hình 4. Các chủ đề nghiên cứu về đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp xã hội trên thế giới

*Nguồn: Tác giả tự tổng hợp*

Chi tiết về các nghiên cứu về ĐMST của DNXH trên thế giới được trình bày trong Bảng 2.

**Bảng 2. Các nghiên cứu về đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp xã hội trên thế giới**

Nghiên cứu	Chủ đề chính	Cách tiếp cận	Phương pháp	Kết quả chính
Alegre & Berbegal-Mirabent (2016)	Nhân tố ảnh hưởng	Lý thuyết về mô hình kinh doanh	Nghiên cứu tình huống 2 DNXH tạo việc làm cho người yếu thế trong lĩnh vực du lịch và khách sạn ở Barcelona (Tây Ban Nha)	Các yếu tố ảnh hưởng tới ĐMST của DNXH gồm tuyên bố giá trị, nghiên cứu thị trường, sự tham gia của bên liên quan, sức ép về cầu xã hội và lòng tin của nhà quản lý đối với nhân viên.
Bridgstock & cộng sự (2010)	Mối quan hệ giữa ĐMST và kết quả hoạt động	Lý thuyết quản trị sự đa dạng	Khảo sát và nghiên cứu tình huống DNXH ở Anh	Quản trị đa dạng về nguồn lực (cơ cấu lao động, mạng lưới quan hệ và nguồn vốn) giúp DNXH thúc đẩy ĐMST và đạt được kết quả kinh doanh cao.
Duvnäs & cộng sự (2012)	Mối quan hệ giữa ĐMST và kết quả hoạt động	Cách tiếp cận Schumpeterian về tinh thần kinh doanh xã hội	Khảo sát DNXH ở Phần Lan	Định hướng ĐMST có tác động không đáng kể tới doanh thu, lợi nhuận của DNXH.
Monroe-White & Zook (2018)	Loại hình ĐMST và nhân tố ảnh hưởng	Khung lý thuyết về DNXH và thể chế vĩ mô và cách tiếp cận Hệ thống Đổi mới Quốc gia	Phân tích dữ liệu từ nhiều nguồn thứ cấp, trong đó có Khảo sát Chi số Khởi nghiệp toàn cầu (GEM)	Các yếu tố thể chế vĩ mô ảnh hưởng khác nhau đến các loại hình ĐMST của DNXH. Đầu tư cho R&D và lực lượng lao động khoa học, công nghệ không giúp giải thích ĐMST của DNXH.
Olofsson & cộng sự (2018)	Loại hình ĐMST	Lý thuyết về mô hình kinh doanh	Nghiên cứu đơn tình huống DNXH bán lẻ điện ở Bắc Âu	Đổi mới mô hình kinh doanh chính là quá trình thay đổi tổ chức đồng thời là kết quả của quá trình này.

<b>Nghiên cứu</b>	<b>Chủ đề chính</b>	<b>Cách tiếp cận</b>	<b>Phương pháp</b>	<b>Kết quả chính</b>
Phillips & cộng sự (2019)	Quá trình sáng tạo xã hội & nhân tố ảnh hưởng	Lý thuyết về DNXH, sáng tạo xã hội và các mô hình ĐMST	Khảo sát 211 DNXH ở Anh và phỏng vấn 31 người từ DNXH	DNXH có khả năng làm việc hiệu quả với các bên liên quan trong giai đoạn hình thành ý tưởng. Nghiên cứu đề xuất ma trận sáng tạo xã hội - quan hệ bên liên quan.
Ramus & cộng sự (2018)	Nhân tố ảnh hưởng	Quản trị chiến lược của DNXH	Khảo sát 139 DNXH tạo việc làm cho nhóm yếu thế tại Ý	Thành viên hội đồng quản trị và các bên liên quan bên ngoài có ảnh hưởng lớn đến chiến lược ĐMST của DNXH
Seelos & Mair (2012)	Năng lực ĐMST và các nhân tố ảnh hưởng		Nghiên cứu lý thuyết	Năng lực ĐMST liên tục là một quá trình. Các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực ĐMST bao gồm: văn hóa tổ chức, kỹ năng lãnh đạo, tầm nhìn và sứ mệnh, sự sáng tạo, khả năng hấp thu và quản trị tri thức, chiến lược và cơ cấu tổ chức; thể chế, quan hệ với nhà tài trợ, cạnh tranh và hợp tác.
Seelos & Mair (2016)	Quá trình sáng tạo xã hội		Nghiên cứu lý thuyết	Tổng kết một số sai lầm thường gặp trong quá trình sáng tạo xã hội dẫn đến hạn chế khả năng ĐMST và tác động xã hội của DNXH.
Son & cộng sự (2017)	Loại hình ĐMST	Lý thuyết về tinh thần khởi nghiệp xã hội	Mô hình SEM và phỏng vấn chuyên gia về DNXH trong lĩnh vực sản xuất chế tạo ở Hàn Quốc	Tinh thần khởi nghiệp xã hội là tiền đề cho đổi mới sản phẩm trong DNXH. Việc tạo giá trị xã hội đóng vai trò là biến trung gian giữa đổi mới sản phẩm và kết quả tài chính của DNXH.
Vézina & cộng sự (2017)	Quá trình sáng tạo xã hội	Lý thuyết quản trị dựa trên nguồn lực	Nghiên cứu đơn tình huống DNXH Desjardins của Canada	Quá trình sáng tạo xã hội cũng là quá trình đổi mới tổ chức.

Nghiên cứu	Chủ đề chính	Cách tiếp cận	Phương pháp	Kết quả chính
Vézina & cộng sự (2019)	Quá trình sáng tạo xã hội	Lý thuyết năng lực động và chuyển đổi xã hội	Nghiên cứu đơn tình huống DNXH của Desjardins Canada	Ba năng lực động (nhận diện cầu xã hội, biến cầu xã hội thành một giải pháp có thể thương mại hóa, và đổi mới tổ chức nhằm tích hợp tri thức hiện có với tri thức mới) chính là các giai đoạn của quá trình sáng tạo xã hội. Quản trị năng lực động có vai trò quan trọng đối với DNXH.

*Nguồn: Tác giả tổng hợp*

Bảng 2 cho thấy các nghiên cứu về ĐMST của DNXH trên thế giới sử dụng đa dạng các lý thuyết như lý thuyết quản trị dựa vào nguồn lực, lý thuyết năng lực động, quản trị chiến lược và quản trị sự đa dạng. Chủ đề nghiên cứu chủ yếu là quá trình và các nhân tố ảnh hưởng đến ĐMST của DNXH. Phương pháp nghiên cứu thông thường là khảo sát và/hoặc nghiên cứu tình huống và bối cảnh nghiên cứu được thực hiện tại các quốc gia phát triển ở Bắc Mỹ và Châu Âu.

## 5. Kết luận và hàm ý cho nghiên cứu trong tương lai

ĐMST là công cụ hữu hiệu để tạo nên lợi thế cạnh tranh cho DN. Đây cũng là chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Tuy nhiên, đến nay chưa có công trình nào hệ thống các nghiên cứu về ĐMST và ĐMST của DNXH. Để có thể hiểu rõ hơn các lĩnh vực nghiên cứu này, tác giả đã tiến hành tổng quan nghiên cứu về ĐMST và ĐMST của DNXH trên thế giới và tại Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu cho thấy có khá nhiều nghiên cứu về DNXH được thực hiện trong những năm gần đây. Tuy nhiên, hiện nay có rất ít nghiên cứu về ĐMST của DNXH. Vì vậy, các nghiên cứu có thể tập trung vào một số hướng nghiên cứu tiềm năng trong thời gian tới như sau:

*Thứ nhất*, các nhà nghiên cứu có thể đi sâu tìm hiểu quy trình tổ chức và quản lý hoạt động ĐMST của DN Việt Nam nói chung và DNXH nói riêng do các nghiên cứu trước mới tập trung vào hoạt động và năng lực ĐMST của DN.

*Thứ hai*, hầu hết các nghiên cứu mới dừng ở việc phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến ĐMST như lãnh đạo, chiến lược, cơ cấu tổ chức, nhân sự, quan hệ liên kết và môi trường thể chế. Trong tương lai, các nhà nghiên cứu có thể tìm hiểu

đa dạng hơn các yếu tố ảnh hưởng đến ĐMST của DN Việt Nam nói chung và DNXH nói riêng.

*Thứ ba*, nghiên cứu tổng quan cho thấy số lượng nghiên cứu về ĐMST của DNXH trên thế giới và ở Việt Nam còn khiêm tốn. Trong thời gian tới, các nhà nghiên cứu có thể tìm hiểu hoạt động ĐMST, các loại hình ĐMST và quá trình ĐMST của các DNXH ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Đặc biệt, có thể thực hiện nghiên cứu so sánh ĐMST của DNXH ở các quốc gia khác nhau và trong các lĩnh vực khác nhau.

Một hướng nghiên cứu khác nữa là kinh nghiệm ĐMST của DNXH. Các nghiên cứu trước đây về ĐMST mới tập trung vào kinh nghiệm ĐMST của các công ty và tập đoàn lớn trên thế giới. Có rất ít nghiên cứu về kinh nghiệm ĐMST của DN vừa và nhỏ, trong đó có DNXH. Vì vậy, trong thời gian tới các nhà nghiên cứu có thể tìm hiểu kinh nghiệm ĐMST của DNXH.

Ngoài các hướng nghiên cứu tiềm năng, nghiên cứu tổng quan của tác giả cũng đưa ra một số gợi ý về phương pháp nghiên cứu ĐMST của DNXH. Cụ thể, các nhà nghiên cứu có thể tìm hiểu ĐMST ở các cấp độ khác nhau (cá nhân, nhóm và tổ chức). Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu có thể kết hợp nghiên cứu tình huống với khảo sát điều tra để cho kết quả nghiên cứu đầy đủ và đáng tin cậy hơn.

### **Lời cảm ơn**

Bài viết này của nhóm nghiên cứu thuộc khuôn khổ Đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo “*Nghiên cứu hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam*”, Mã số B2020-NTH-04.

### **Tài liệu tham khảo**

- Acs, Z.J. & Audretsch, D.B. (1988), “Innovation in large and small firms: an empirical analysis”, *American Economic Review*, Vol. 78 No. 4, pp. 678 - 690.
- Alegre, I. & Berbegal-Mirabent, J. (2016), “Social innovation success factors: hospitality and tourism social enterprises”, *International Journal of Contemporary Hospitality Management*, Vol. 28 No. 6, pp. 1155 - 1176.
- Anderson, N., De Dreu, C.K.W. & Nijstad, B.A. (2004), “The routinization of innovation research: a constructively critical review of the state-of-the-science”, *Journal of Organizational Behavior*, Vol. 25 No. 2, pp. 147 - 173.
- Anh, P.T.T. (2014), “Characteristics of innovation in Vietnamese firms: an exploratory research”, *Journal of Economics and Development*, Vol. 16 No. 3, pp. 82 - 95.
- Bridgstock, R., Lettice, F., Özbilgin, M.F. & Tatli, A. (2010), “Diversity management for innovation in social enterprises in the UK”, *Entrepreneurship & Regional Development*, Vol. 22 No. 6, pp. 557 - 574.
- British, C. (2019), “Social enterprise in Vietnam”, <https://www.britishcouncil.vn/sites/default/files/social-enterprise-in-vietnam.pdf>, truy cập ngày 10/08/2019.

- Cantwell, J. (2006), "Innovation and competitiveness", In Fagerberg, J. & Mowery, D. (Eds.) *The Oxford Handbook of Innovation* (pp. 543-567), Oxford: Oxford University Press.
- Công, L.C. & Vinh, Đ.T.T. (2018), "Vai trò của doanh nghiệp xã hội trong đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển bền vững du lịch các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ", *Tạp chí Kinh tế Đối ngoại*, Số 89, tr. 63 - 70.
- Crossan, M.M. & Apaydin, M. (2010), "A multi-dimensional framework of organizational innovation: a systematic review of the literature", *Journal of Management Studies*, Vol. 47 No. 6, pp. 1154 - 1191.
- CSIP. (2016), "Cẩm nang khởi sự doanh nghiệp xã hội dành cho các tổ chức xã hội dân sự", [https://issuu.com/xaydungkhoinghiep/docs/cam\\_nang\\_khoi\\_su\\_dnxh](https://issuu.com/xaydungkhoinghiep/docs/cam_nang_khoi_su_dnxh), truy cập ngày 10/08/2019.
- Cung, N.Đ., Đức, L.M., Oanh, P.K. & Gám, T.T.H. (2012), "Doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam-Khái niệm, bối cảnh và chính sách, Hội đồng Anh, Viện Quản lý Kinh tế Trung ương", *Trung tâm hỗ trợ sáng kiến phục vụ cộng đồng*, <https://www.britishcouncil.vn/sites/default/files/dnxh-tai-viet-nam-khai-niem-boi-canhhinh-sach.pdf>, truy cập ngày 10/08/2019.
- Cung, N.Đ., Thảo, N.M., Tuấn, N.M., Thắng, T.T.N., Gám, T.T.H., Giang, H.T. & Giang, V.T.H. (2016), *Điển hình doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam*, NXB Thanh niên.
- Cường, N.T. (2014), *Năng lực đổi mới sáng tạo của chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sỹ, Đại học Kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội.
- Damanpour, F. (1991), "Organizational innovation: a meta-analysis of effects of determinants and moderators", *Academy of Management Journal*, Vol. 34 No. 3, pp. 555 - 590.
- Damanpour, F. & Wischnevsky, J.D. (2006), "Research on innovation in organizations: distinguishing innovation-generating from innovation-adopting organizations", *Journal of Engineering and Technological Management*, Vol. 23, pp. 269 - 291.
- Dees, J.G. (2001), "The meaning of social entrepreneurship", *Duke Fuqua School of Business*, [https://centers.fuqua.duke.edu/case/wpcontent/uploads/sites/7/2015/03/Article\\_Deas\\_MeaningofSocialEntrepreneurship\\_2001.pdf](https://centers.fuqua.duke.edu/case/wpcontent/uploads/sites/7/2015/03/Article_Deas_MeaningofSocialEntrepreneurship_2001.pdf), truy cập ngày 20/08/2020.
- Dodgson, M., Gann D.M. & Phillips, N. (2014), "Perspectives on innovation management", In Dodgson, M., Gann D.M. & Phillips, N. (Eds.), *The Oxford Handbook of Innovation Management* (pp. 3 - 25). Oxford: Oxford University Press.
- DTI. (2002), "Social enterprise: a strategy for success", <http://www.dti.gov.uk/socialenterprise>, truy cập ngày 20/08/2019.
- Dung, N.T. (2017), "Đánh giá khả năng thực thi pháp luật hiện hành về doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam", *Tạp chí Luật học*, Số 1, tr. 12 - 20.
- Duvnäs, H., Stenholm, P., Brännback, M. & Carsrud, A.L. (2012), "What are the outcomes of innovativeness within social entrepreneurship? The relationship between innovative orientation and social enterprise economic performance", *Journal of Strategic Innovation and Sustainability*, Vol. 8 No. 1, pp. 68 - 80.
- Duy, N.Q. (2015), "Đổi mới sáng tạo và các nhân tố tác động - Tổng kết cơ sở lý thuyết", *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số 211, tr. 37 - 46.
- Duy, N.Q. & Tuấn, V.H. (2013), "Quản trị tri thức chiến lược, đổi mới sáng tạo và kết quả kinh doanh: Nghiên cứu thực nghiệm ở các doanh nghiệp Việt Nam", *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số 198, tr. 55 - 64.
- Giang, V.H. (2019), *Nghiên cứu phát triển doanh nghiệp xã hội trong lĩnh vực du lịch cộng đồng tại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu chính sách, chiến lược công thương.



- Giang, V.T.C. (2018), *Quyền của người khuyết tật trong việc thành lập doanh nghiệp xã hội theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
- Hà, L.T.T. (2018), “Ảnh hưởng của các nhân tố đổi mới sáng tạo tới kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số 251, tr. 92 - 102.
- Hạnh, L.T. & Giang, P.T. (2012), “Phát triển doanh nghiệp xã hội - Vai trò của Nhà nước và người dân”, *Tạp chí Kinh tế Phát triển*, Số 186, tr. 37 - 43.
- Hiền, T.T.M. (2015), *Doanh nghiệp xã hội theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Hoàng, Đ.Đ., Nguyễn, N.H.P., Long, N.N. & Giang, N.T.Q. (2017), *Thành công theo cách khác: 27 câu chuyện khởi nghiệp vì cộng đồng từ Việt Nam và trên thế giới*, CSIP, NXB Phụ nữ.
- Hưng, L.A. & Tuấn, N.P. (2015), “Tác động của vốn tri thức đến năng lực đổi mới sáng tạo và năng suất trong tổ chức: từ các lý thuyết hiện hành đến cách tiếp cận mới”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số 211, tr. 25 - 36.
- Hương, P.T., Duy, T.Đ. & My, L.T. (2018), “Kinh nghiệm quốc tế về kết hợp triển khai quản trị tinh gọn và thúc đẩy đổi mới sáng tạo”, *Tạp chí Kinh tế Đối ngoại*, Số 103, tr. 1 - 20.
- Khôi, L.N.Đ. (2014), “Giải pháp phát triển doanh nghiệp xã hội qua các trường đại học tại đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Phần D: Khoa học Chính trị, Kinh tế và Pháp luật, Số 31, tr. 91 - 96.
- Kotsemir, M., Abroskin, A. & Meissner, D. (2013), “Innovation concepts and typology – an evolutionary discussion”, *Working papers, Series: Science, Technology and Innovation*, WP BRP 05/STI/2013.
- Léger, A. & Swaminathan, S. (2007), “Innovation theories: relevance and implications for developing country innovation”, *DIW Discussion Papers*, No. 743, Deutsches Institut für Wirtschaftsforschung (DIW), Berlin.
- Linh, L.T.M. (2018), “Năng lực đổi mới sáng tạo, đổi mới sản phẩm và kết quả kinh doanh - nghiên cứu khảo sát trong ngành chế biến thực phẩm Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số 255, tr. 62 - 72.
- Linh, L.T.M. (2016), “Nhân tố tác động đến năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp chế biến thực phẩm Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số 233, tr. 43 - 50.
- Linh, L.T.M. & Hiền, N.N. (2017), “Kinh nghiệm quốc tế nhằm nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số 237, tr. 95 - 102.
- Luật Doanh nghiệp, số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, [http://vanban.chinhphu.vnportal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&page=1&mode=detail&document\\_id=178115](http://vanban.chinhphu.vnportal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&page=1&mode=detail&document_id=178115), truy cập ngày 10/08/2019.
- Lundvall, B.A. (1992), *National systems of innovation: towards a theory of innovation and interactive learning*, Pinter Publishers, London.
- Malerba, F. (2006), “Sectoral systems: how and why innovation differs across sectors” in Fagerberg, J. & Mowery, D. (Eds.) *The Oxford Handbook of Innovation*, pp. 183 - 203, Oxford: Oxford University Press.
- Meissner, D. & Kotsemir, M. (2016), “Conceptualizing the innovation process towards the ‘active innovation paradigm’ - trends and outlook”, *Journal of Innovation and Entrepreneurship*, Vol. 5 No. 1, pp. 1 - 18.

- Monroe-White, T. & Zook, S. (2018), “Social enterprise innovation: a quantitative analysis of global patterns”, *VOLUNTAS: International Journal of Voluntary and Nonprofit Organizations*, Vol. 29 No. 3, pp. 469-510.
- Moore, M., Westley, F.R. & Nicholls, A. (2012), “The social finance and social innovation nexus”, *Journal of Social Entrepreneurship*, Vol. 3 No. 2, pp. 115 - 132.
- Ngọc, T.B. & Lâm, T.S. (2013), “Đổi mới sáng tạo tại các công ty đa quốc gia và gợi ý cho các doanh nghiệp Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số 195, tr. 51 - 56.
- Nguyễn, N.T. & Trang, B.T. (2015), “Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp tại một số quốc gia trên thế giới: bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số 213, tr. 98 - 104.
- Nhà, P.X. & Quân, L. (2013), “Đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, Tập 29, Số 4, tr. 1 - 11.
- Nicholls, A. & Cho, A.H. (2006), “Social entrepreneurship: the structuration of a Field” in Alex Nicholls, (Ed.) *Social entrepreneurship: new models of sustainable change*, pp. 99 - 118, Oxford: Oxford University Press.
- OECD. (2019), “The social enterprise sector: a conceptual framework”, <https://www.oecd.org/cfe/leed/37753595.pdf>, truy cập ngày 20/08/2019.
- OECD. (2018), “Oslo manual 2018: guidelines for collecting, reporting and using data on innovation”, 4<sup>th</sup> Edition, *The Measurement of Scientific, Technological and Innovation Activities*, OECD Publishing, Paris/Eurostat, Luxembourg, <https://doi.org/10.1787/9789264304604-en>, truy cập ngày 20/12/2019.
- Olofsson, S., Hoveskog, M. & Halila, F. (2018), “Journey and impact of business model innovation: the case of a social enterprise in the Scandinavian electricity retail market”, *Journal of Cleaner Production*, Vol. 175, pp. 70 - 81.
- Phillips, W., Alexander, E.A. & Lee, H. (2019), “Going it alone won't work! the relational imperative for social innovation in social enterprises”, *Journal of Business Ethics*, Vol. 156 No. 2, pp. 315 - 331.
- Pianta, M. (2006), “Innovation and employment” in Fagerberg, J., & Mowery, D. (Eds.) *The Oxford Handbook of Innovation* (pp. 568 - 598). Oxford: Oxford University Press.
- Ramus, T., La Cara, B., Vaccaro, A. & Brusoni, S. (2018), “Social or commercial? Innovation strategies in social enterprises at times of turbulence”, *Business Ethics Quarterly*, Vol. 28 No. 4, pp. 463 - 492.
- Rothwell, R. (1994), “Towards the fifth-generation innovation process”, *International Marketing Review*, Vol. 11 No. 1, pp. 7 - 31.
- Salter, A. & Alexy, O. (2014), “The nature of innovation” in Dodgson, M., Gann D.M., & Phillips, N. (Eds.) *The Oxford Handbook of Innovation Management* (pp. 26-52). Oxford: Oxford University Press.
- Seelos, C. & Mair, J. (2012), *What determines the capacity for continuous innovation in social sector organizations?*, Stanford PACS Report to the Rockefeller Foundation, <https://pacscenter.stanford.edu/wp-content/uploads/2011/01/Organizational-Capacity-for-Continuous-Innovation-OCCI-in-Established-Social-Sector-Organizations.pdf>, truy cập ngày 10/08/2019.
- Seelos, C. & Mair, J. (2016), “When innovation goes wrong”, *Stanford Social Innovation Review*, Vol. 14 No. 4, pp. 26 - 33.
- Social Enterprise UK. (2015), “The state of social enterprise survey 2015”, <https://gmsen.net/sites/default/files/StateofSocialEnterpriseReport2015.pdf>, truy cập ngày 20/08/2019.

- Son, H., Lee, J. & Chung, Y. (2017), "Value creation mechanism of social enterprises in manufacturing industry: empirical evidence from Korea", *Sustainability*, Vol. 10 No. 1, pp. 46 - 70.
- Thảo, N.V. (2016), *Doanh nghiệp xã hội trong lĩnh vực nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long*, Sách chuyên khảo, NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thắng, P.V., Huyền, N.T.H. & Ánh, N.T.N. (2013), "Doanh nghiệp xã hội - Kinh nghiệm của các nước Châu Á về mô hình phát triển và khuyến nghị cho Việt Nam", *Tạp chí Kinh tế Phát triển*, Số 198, tr. 48 - 54.
- Thắng, P.V. & Oanh, C.T. (2015), "Các yếu tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp xã hội - Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam", *Tạp chí Quản lý kinh tế*, Số 66, tr. 35 - 42.
- Thắng, T.T.N. (2015), "Hệ sinh thái cho doanh nghiệp xã hội: nghiên cứu quốc tế và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam", *Tạp chí Kinh tế Phát triển*, Số 217, tr. 97 - 104.
- Thompson, J. & Doherty, B. (2006), "The diverse world of social enterprise: a collection of social enterprise stories", *International Journal of Social Economics*, Vol. 33 No. 5/6, pp. 399 - 410.
- Thùy, N.T. (2017), *Pháp luật về doanh nghiệp xã hội*, Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
- Thùy, P.T.T. (2015), "Hình thức pháp lý doanh nghiệp xã hội: kinh nghiệm nước Anh và một số gợi mở cho Việt Nam", *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học*, Tập 31, Số 4, tr. 56 - 64.
- Trang, V.P. & Anh, T.T. (2019), "Tiêu chí đánh giá năng lực đổi mới của doanh nghiệp thông qua năng lực công nghệ", *VNU Journal of Science: Policy and Management Studies*, Vol. 35 No. 1, tr. 1 - 7.
- Trúc, N.V. (2011), "Sự hình thành và phát triển doanh nghiệp xã hội trên thế giới và xu thế phát triển tại Việt Nam", *Tạp chí Quản lý kinh tế*, Số 42, tr. 81 - 84.
- Tuân, N.P. (2014), *Phân tích các yếu tố quyết định đến đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Hà Nội*, Đề tài nghiên cứu cấp bộ, Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tuân, N.P. (2013), *Tác động của đổi mới sáng tạo tới kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội - nghiên cứu trường hợp công ty T-Tech Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu cấp trường, Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Utterback, J.M., Hollomon, J.H., Sirbu, M.A. & Allen, T.J. (1976), "The process of innovation in five industries in Europe and Japan", *IEEE Transactions on Engineering Management*, Vol. EM-23 No. 1, pp. 3 - 9.
- Uyên, B.N.L. (2019), *Nghiên cứu các nhân tố tác động đến năng lực đổi mới của doanh nghiệp công nghệ cao tại một số tỉnh trọng điểm miền Nam Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- Verspagen, B. (2006), "Innovation and Economic Growth" in Fagerberg, J. & Mowery, D. (Eds.) *The Oxford Handbook of Innovation*, pp. 487 - 513, Oxford: Oxford University Press.
- Vézina, M., Malo, M.C. & Ben Selma, M. (2017), "Mature social economy enterprise and social innovation: the case of the desjardins environmental fund", *Annals of Public and Cooperative Economics*, Vol. 88 No. 2, pp. 257 - 278.
- Vézina, M., Ben Selma, M. & Malo, M.C. (2019), "Exploring the social innovation process in a large market based social enterprise", *Management Decision*, Vol. 57 No. 6, pp. 1399 - 1414.

- Việt, T.T.H. (2016), “Nhân tố tác động đến năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp da giày Hà Nội”, *Tạp chí Quản lý kinh tế*, Tập 1, Số 74, tr. 52 - 63.
- Việt, T.T.H. (2015), “Nhân tố tác động đến năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp cơ điện tử Hà Nội”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số đặc biệt, tr. 99 - 108.
- Von Tunzelmann, N. & Acha, V. (2006), “Innovation in “Low-Tech” industries” in Fagerberg, J. & Mowery, D. (Eds.) *The Oxford Handbook of Innovation* (pp. 407 - 432). Oxford: Oxford University Press.
- Yên, N.T. & Ánh, T.T.B. (2017), “Pháp luật về doanh nghiệp xã hội - Bất cập và kiến nghị hoàn thiện”, *Tạp chí Luật học*, Số 4, tr. 84 - 91.
- Yên, P.T. (2016), “Doanh nghiệp xã hội - Pháp nhân thương mại hay pháp nhân phi thương mại?”, *Tạp chí Kinh tế Đối ngoại*, Số 86, tr. 1 - 14.
- Žižlavský, O. (2013), “Past, present and future of the innovation process”, *International Journal of Engineering Business Management*, Vol. 5 No. 47, pp. 1 - 8.